TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2018/HSST
Ngày 22-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Danh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thận

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2018/HSST ngày 10 tháng 09 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn H, sinh năm 1970, tại: Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Cha: Trần Văn L (chết); Mẹ: Nguyễn Thị N(Chết); Bị cáo có 05 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1957, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ: Vương Bảo T, sinh năm 1976; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/06/2018 đến ngày 25/06/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng V.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H; Chức danh: Giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. NLQ2, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. NLQ3, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ X , P. H, TX. B, tỉnh Bình Phước.

4. NLQ4, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. NLQ5, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

6. NLQ6, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.
7. NLQ7, sinh năm 1974 (Vắng mặt).
Địa chỉ: xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/6/2018, anh Lê Văn H là giám đốc công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng V có nhận thầu 08 phòng học tại Trường mầm non Vành Khuyên tại thôn 3, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Sau đó anh H thuê anh NLQ4 phụ trách việc thi công xây dựng công trình (vật liệu do anh Lê Văn H cung cấp) và thuê anh NLQ7 có nhiệm vụ trông coi vật liệu xây dựng, tập kết tại công trình. Sau khi, được anh Lê Văn H thuê thì anh NLQ4 thuê lại Trần Văn H thi công xây dựng công trình trên, Trần Văn H thuê anh NLQ3 thi công xây dựng (không bao gồm vật liệu). Do đang nhận thi công nhiều công trình khác nhau nên ngày 16/6/2018 Trần Văn H thuê anh NLQ1 là chủ xe ô tô tải biển số 60C-152.71 chở cốt pha (thiết bị phục vụ xây dựng) cho H từ nhà ở huyện Lộc Ninh qua công trình Vành Khuyên ở xã Bom Bo huyện Bù Đăng, đến khoảng 17 giờ cùng ngày anh NLQ1 điều khiển xe ô tô chở H cùng với cốt pha qua công trình Vành Khuyên trên đường đi H điện thoại cho anh NLQ5 (là người quản lý công nhân của anh NLQ3) cho công nhân chặt nhỏ 01 cuộn thép D6 và 01 cuộn thép D8, và ở lại để bốc cốt pha xuống thì NLQ5 đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày xe tới, Trần Văn H bảo anh NLQ5 cho công nhân chuyển cốt pha từ xe xuống công trình, đồng thời đưa 02 cuộn thép D6, D8 đã chặt nhỏ (có tổng khối lượng 1.060kg) mà H đã chỉ đạo làm trước đó lên xe. Khi thép được đưa lên xe xong H nói chở về lại huyện Lộc Ninh thì anh NLQ1 điều khiển xe đi về theo hướng xã Đường 10, huyện Bù Đăng để về Lộc Ninh. Khi xe đi tới cổng trường Vành Khuyên thì anh NLQ7 phát hiện và điện thoại cho anh Lê Văn H hỏi có cho xe nào vào lấy vật liệu xây dựng hay không, anh H nói không và đồng thời lấy xe ô tô đuổi theo, khi anh H đuổi kịp yêu cầu anh NLQ1 dừng xe lại để kiểm tra, sau đó báo cho Công an xã Đường 10 đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 42/KL-ĐG ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định giá trị 1.060kg thép D6, D8=16.382.300đ (mười sáu triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đăng thu giữ 01 xe ô tô tải biển số 60C-152.71 bên trong thùng xe có chứa 1.060kg thép loại D6 và D8, sau khi tiến hành điều tra đã trả lại xe ô tô biển số 60C-152.71 cho anh NLQ1, trả lại 1.060kg thép D6 và D8 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự Lê Văn H đã nhận lại 1.060kg thép và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số 74/VKS - HS ngày 06 tháng 09 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng,bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Trần Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng đã truy tố đối với bị cáo, phù hợp với lời khai của người đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/6/2018 bị cáo Trần Văn H đã chiếm đoạt 02 cuộn thép D6, D8 đã chặt nhỏ (có tổng khối lượng 1.060kg) của Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vĩnh Lộc do anh Lê Văn H làm giám đốc có giá trị 16.382.300đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn H đã phạm vào tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét toàn bộ vụ án, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính nên bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi

phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, con còn nhỏ, nhất thời phạm tội. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự, bị cáo biết ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo cũng đã bị tạm giam một khoảng thời gian cũng để bị cáo nhận thức được sai lầm của bản thân. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước và pháp luật đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự Lê Văn H đã nhận lại 1.060kg thép và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với NLQ1 là người điều khiển xe ô tô biển số 60C-152.71 chở 02 cuộn thép D6 và D8 mà Trần Văn H chiếm đoạt, khi chở anh NLQ1 không biết số thép trên do H chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với NLQ5 là công nhân làm thuê cho bị cáo Trần Văn H, khi H gọi điện yêu cầu chặt nhỏ 02 cuộn thép D6 và D8 anh NLQ5 không biết mục đích H chiếm đoạt số thép trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn H về Ủy ban nhân xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND và CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Sở tư pháp và Công an tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh